

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 450/QĐ-EVNNPT

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2019

VĂN PHÒNG ĐDBQH, HỢND
VÀ UBND TỈNH TÂY NINH

Số: 1499
ĐẾN Ngày: 12/4/19
Chuyển: CT. M. N. N. N.
P. K. (m)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình
Nâng khả năng tải các Đường dây 220kV Thốt Nốt – Long Xuyên – Châu Đốc
và Cù Chi – Trảng Bàng

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA

Căn cứ Luật Điện lực, Luật Xây dựng của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 71/ĐL-KH&QH ngày 10/01/2019 của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án Nâng khả năng tải các Đường dây 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc và Cù Chi - Trảng Bàng;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-BTNMT ngày 22/02/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng khả năng tải các Đường dây 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc và

Củ Chi - Trảng Bàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, tỉnh An Giang, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) ban hành kèm theo Quyết định số 284/QĐ-EVN ngày 18/10/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN);

Căn cứ Quy chế công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong EVN ban hành kèm theo Quyết định số 156/QĐ-EVN ngày 24/5/2018 của Hội đồng thành viên EVN;

Căn cứ Quyết định số 2134/QĐ-EVNNPT ngày 20/11/2018 của Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia (EVNNPT) về việc phân cấp đầu tư xây dựng ;

Căn cứ Quyết định số 1732/QĐ-EVNNPT ngày 15/8/2016 của EVNNPT về việc phê duyệt danh mục bổ sung giao cho các đơn vị QLDA giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-EVNNPT ngày 31/01/2019 của Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia V/v giao kế hoạch sản xuất kinh doanh – tài chính – đầu tư xây dựng năm 2019;

Căn cứ Văn bản số 5537/EVNSPC-KT ngày 10/8/2018 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam (EVNSPC) về việc thay thế biến dòng và dây dẫn nối thiết bị các ngăn 271 và 272 trạm 220kV Long Xuyên.

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Nam tại Tờ trình số 1003/TTr-SPMB ngày 28/02/2018 về việc thẩm định Dự án đầu tư xây dựng dự án Nâng khả năng tải đường dây 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc và Củ Chi - Trảng Bàng; Văn bản số 4719/SPMB-TĐ ngày 20/7/2018 và số 1440/SPMB-TĐ ngày 06/3/2019 về việc báo cáo kết quả hoàn thiện hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nâng khả năng tải đường dây 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc và Củ Chi - Trảng Bàng kèm theo (i) Báo cáo thẩm tra do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 3 (PECC3) lập kèm theo các Văn bản số 3662/TV3-ĐD ngày 29/11/2017, số 1750/TVĐ3-ĐD ngày 15/6/2018 và số 0493/TVĐ3-ĐD ngày 27/02/2019, (ii) hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2 (PECC2) lập tháng 02/2019;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng khả năng tải các Đường dây 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc và Củ Chi - Trảng Bàng, với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Nâng khả năng tải các Đường dây 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc và Củ Chi - Trảng Bàng.

2. Chủ đầu tư: Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia (EVNNPT).

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Thay thế dây dẫn điện của 02 đường dây 220kV hiện hữu đang vận hành với mức tải cao và không đảm bảo khả năng truyền tải trong tương lai;

- Tăng cường khả năng truyền tải cho 02 đường dây 220kV hiện hữu, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng phụ tải điện phục vụ phát triển kinh tế, xã hội khu vực;

- Hỗ trợ các đường dây truyền tải trong khu vực nhằm tăng cường tính ổn định, an toàn và tin cậy cho hệ thống điện.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

a. Đường dây 220kV Thốt Nốt – Long Xuyên – Châu Đốc:

- Thay thế dây dẫn nhôm lõi thép của đường dây 02 mạch 220 kV hiện hữu bằng dây dẫn siêu nhiệt ACCC, tổng chiều dài khoảng 69,78km.

- Bổ sung thêm 01 dây chống sét Phlox 94.1 cho đoạn đầu TBA 220kV Thốt Nốt, chiều dài khoảng 4,47 km.

- Thay thế dao cách ly, biến dòng điện của các ngăn lộ đường dây 274 và 275 tại TBA 220 kV Thốt Nốt phù hợp với đường dây 220 kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc sau khi nâng khả năng tải.

b. Đường dây 220kV Củ Chi – Trảng Bàng:

- Thay thế dây dẫn nhôm lõi thép của đường dây 2 mạch 220 kV hiện hữu bằng dây dẫn siêu nhiệt ACCC, chiều dài khoảng 14,5km.

- Bổ sung thêm 01 dây chống sét Phlox 94.1 cho đoạn đầu TBA 220kV Củ Chi, chiều dài khoảng 4 km.

- Thay thế dao cách ly, biến dòng điện, dây dẫn đầu nối giữa các thiết bị, dây dẫn đầu nối đến đường dây, kẹp cực thiết bị, kẹp rẽ nhánh của 02 ngăn lộ đường dây 271 và 272 tại TBA 220 kV Trảng Bàng phù hợp với đường dây 220 kV Củ Chi - Trảng Bàng sau khi nâng khả năng tải.

5. Tổ chức Tư vấn lập BCNCKT ĐTXD công trình: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2 (PECC2).

6. Chủ nhiệm lập dự án: Huỳnh Quốc Vinh.

7. Địa điểm xây dựng:

- Tuyến đường dây 220 kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc đi qua địa bàn: quận Thốt Nốt, huyện Vĩnh Thạnh thành phố Cần Thơ; thành phố Long Xuyên, huyện Châu Thành, huyện Châu Phú, thị trấn Cái Dầu, thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang;

- Tuyến đường dây 220 kV Củ Chi - Trảng Bàng đi qua địa bàn: huyện Củ Chi thành phố Hồ Chí Minh; huyện Trảng Bàng Tỉnh Tây Ninh.

8. Diện tích sử dụng:

- Diện tích hành lang tuyến: không phát sinh;
- Diện tích chiếm đất vĩnh viễn của móng cột điện: không phát sinh.

9. Loại cấp công trình: Công trình công nghiệp Năng lượng, cấp I, nhóm B.

10. Số bước thiết kế: Thiết kế hai bước.

11. Các giải pháp kỹ thuật chính:

11.1. Đường dây 220kV Thốt Nốt – Long Xuyên – Châu Đốc:

a. Phần đường dây:

- Điểm đầu (ĐĐ): TBA 220kV Thốt Nốt (hiện hữu).
- Điểm cuối (ĐC): TBA 220kV Châu Đốc (hiện hữu).
- Chiều dài tuyến: khoảng 69,78km.
- Dây dẫn điện:

+ Đoạn đường dây từ ĐĐ – VT139 (vị trí dự kiến đầu nối vào TBA 220kV Châu Thành): thay thế dây dẫn điện đơn pha ACSR 450/58 hiện hữu bằng dây dẫn siêu nhiệt loại ACCC 530, chiều dài khoảng 46,4km;

+ Đoạn đường dây từ VT139 – ĐC: thay thế dây dẫn điện đơn pha ACSR 450/58 hiện hữu bằng dây dẫn siêu nhiệt loại ACCC 421, chiều dài khoảng 23,4km;

- Dây chống sét, cáp quang: Sử dụng dây chống sét, cáp quang hiện hữu. Bổ sung thêm 01 dây chống sét bằng hợp kim nhôm lõi thép AACSR Phlox 94.1 cho đoạn từ vị trí T01 – T15.

- Cách điện và phụ kiện: Sử dụng lại cách điện hiện hữu, thay thế phụ kiện phân mang điện của chuỗi cách điện cho đồng bộ với dây dẫn điện được thay thế. Thay thế chuỗi cách điện đơn hiện hữu bằng chuỗi cách điện kép tại các khoảng cột vượt đường, vượt khu dân cư.

- Cột, móng, tiếp địa: Giữ nguyên cột, móng, tiếp địa hiện hữu.

b. Phần thay thế thiết bị tại TBA 220kV Thốt Nốt:

Thay thế dao cách ly, biến dòng điện của các ngăn lộ đường dây 274 và 275 phù hợp với đường dây 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc sau khi nâng khả năng tải. Thiết bị có thông số chính (phù hợp với thiết bị hiện hữu) như sau:

Điện áp định mức 245 kV, tần số 50Hz, mức cách điện phù hợp với tiêu chuẩn IEC (điện áp chịu đựng xung sét 1.050 kV, điện áp chịu tần số công nghiệp 460 kV), chiều dài đường rò tiêu chuẩn 25 mm/kV.

- Dao cách ly: loại ngoài trời, 1 pha và 3 pha; tiếp đất 2 phía, 1 phía và không tiếp đất; 50 kA/1s, 2.000 A; truyền động 1 pha và 3 pha, dao chính điều khiển bằng động cơ và bằng tay, dao tiếp đất điều khiển bằng tay, có khoá liên động giữa dao

chính và dao tiếp đất; điện áp điều khiển 220VDC. Các thông số kỹ thuật khác theo quy định của EVNNPT tại Quyết định số 63/QĐ-EVNNPT ngày 15/01/2018.

- Biến dòng điện: loại ngoài trời, 1 pha; 50 kA/1s, tỷ số biến đổi 800-1.200-2.000/1-1-1-1 A; cấp chính xác và công suất cuộn thứ cấp: 5P20-30 VA cho bảo vệ, CI.0,5-15 VA cho đo lường. Các thông số kỹ thuật khác theo quy định của EVNNPT tại Quyết định số 63/QĐ-EVNNPT ngày 15/01/2018.

- Giải pháp xây dựng:
 - + Trụ đỡ thiết bị: Bề mặt thép hình mạ kẽm.
 - + Móng giá đỡ thiết bị: Sử dụng móng hiện hữu, tính toán cập nhật sau khi có thiết bị cụ thể sử dụng cho trạm.

12. Đường dây 220kV Củ Chi – Trảng Bàng:

12.1. Phần đường dây:

- Điểm đầu (ĐĐ): TBA 220kV Củ Chi (hiện hữu).
- Điểm cuối (ĐĐ): TBA 220kV Trảng Bàng (hiện hữu).
- Chiều dài tuyến: khoảng 14,5km.
- Dây dẫn điện: Thay thế dây dẫn điện ACSR 400/51 hiện hữu bằng dây dẫn siêu nhiệt loại ACCC 421.
- Dây chống sét, cáp quang: Sử dụng dây chống sét, cáp quang hiện hữu. Bổ sung thêm 01 dây chống sét bằng hợp kim nhôm lõi thép AACSR Phlox 94.1 cho đoạn từ trụ T25 – T34B.
- Cách điện và phụ kiện: Sử dụng lại cách điện hiện hữu, thay thế phụ kiện phân mang điện của chuỗi cách điện cho đồng bộ với dây dẫn điện được thay thế. Thay thế chuỗi cách điện đơn hiện hữu bằng chuỗi cách điện kép tại các khoảng cột vượt đường, vượt khu dân cư.
- Cột, móng, tiếp địa: Giữ nguyên cột, móng, tiếp địa hiện hữu.

12.2. Phần thay thế thiết bị tại TBA 220kV Trảng Bàng:

Thay thế dao cách ly, biến dòng điện, dây dẫn đấu nối giữa các thiết bị, dây dẫn đấu nối đến đường dây, kẹp cực thiết bị, kẹp rẽ nhánh của 02 ngăn lộ đường dây 271 và 272 tại TBA 220kV Trảng Bàng phù hợp với đường dây 220kV Củ Chi - Trảng Bàng sau khi nâng khả năng tải. Thông số chính của vật tư, thiết bị như sau:

Điện áp định mức 245 kV, tần số 50Hz, mức cách điện phù hợp với tiêu chuẩn IEC (điện áp chịu đựng xung sét 1.050 kV, điện áp chịu tần số công nghiệp 460 kV), chiều dài đường rò tiêu chuẩn 25 mm/kV.

- Dao cách ly: loại ngoài trời, 1 pha và 3 pha; tiếp đất 2 phía, 1 phía và không tiếp đất; 50 kA/1s, 2.000 A; truyền động 1 pha và 3 pha, dao chính điều khiển bằng động cơ và bằng tay, dao tiếp đất điều khiển bằng tay, có khoá liên động giữa dao

chính và dao tiếp đất; điện áp điều khiển 220VDC. Các thông số kỹ thuật khác theo quy định của EVNNPT tại Quyết định số 63/QĐ-EVNNPT ngày 15/01/2018.

- Biến dòng điện: loại ngoài trời, 1 pha; 50 kA/1s, tỷ số biến đổi 800-1.200-2.000/1-1-1-1 A; cấp chính xác và công suất cuộn thứ cấp: 5P20-30 VA cho bảo vệ, Cl.0,5-15 VA cho đo lường. Các thông số kỹ thuật khác theo quy định của EVNNPT tại Quyết định số 63/QĐ-EVNNPT ngày 15/01/2018.

- Thay thế dây dẫn hiện hữu loại ACSR410 thành dây dẫn loại TAL660.

- Thay thế kẹp các thiết bị để phù hợp đầu nối với dây dẫn loại TAL660.

- Giải pháp xây dựng:

+ Trụ đỡ thiết bị: Bằng thép hình mạ kẽm.

+ Móng giá đỡ thiết bị: Sử dụng móng hiện hữu, tính toán cập nhật sau khi có thiết bị cụ thể sử dụng cho trạm.

13. Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng

- Quy chuẩn xây dựng: Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam hiện hành;

- Tiêu chuẩn: các tiêu chuẩn TCVN, tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN, tiêu chuẩn và quy phạm ngành TCN (Điện, Viễn thông, Xây dựng), tiêu chuẩn quốc tế IEC, ASTM, ITU, ISO... và các quy định hiện hành của EVN, EVNNPT.

14. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: thực hiện theo các quy định hiện hành.

15. Tổng mức đầu tư của dự án: 434.393.000.000 đồng.

(Bốn trăm ba mươi tư tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	338.098.000.000 đồng
- Chi phí thiết bị	8.497.000.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	6.061.000.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	15.971.000.000 đồng
- Chi phí khác:	22.422.000.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	43.344.000.000 đồng

(Chi tiết như bảng tổng hợp tổng dự toán kèm theo).

16. Nguồn vốn đầu tư: vốn đầu tư xây dựng do EVNNPT huy động và phân bổ theo kế hoạch.

17. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án các công trình Điện miền Nam trực tiếp điều hành, quản lý thực hiện dự án.

18. Thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành đóng điện năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Phân thiết kế: Thiết kế hai bước; bước tiếp theo thiết kế Bản vẽ thi công - Tổng dự toán (TKBVTC-TDT).

2. Giao Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Nam thực hiện:

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện, lập biện pháp tổ chức thi công, tiến độ chi tiết điều hành dự án nhằm hạn chế thời gian cắt điện thi công;

- Lập phương án thu hồi, bảo quản, sử dụng vật tư tháo dỡ từ đường dây hiện hữu theo đúng quy định hiện hành;

- Phối hợp với EVNSPC để triển khai các công việc liên quan theo thỏa thuận tại Văn bản số 5537/EVNSPC-KT ngày 10/8/2018. Trong giai đoạn TKBVTC tiếp tục làm việc với EVNSPC để xác định chuẩn xác vị trí đầu nối TBA 220kV Châu Thành;

- Yêu cầu đơn vị Tư vấn thiết kế và Tư vấn thẩm tra thực hiện quyền giám sát tác giả và các nội dung khác liên quan theo qui định hiện hành đảm bảo chất lượng của hồ sơ thiết kế và công trình. Chịu trách nhiệm đối với việc hiệu chỉnh thiết kế, phát sinh khối lượng,... (nếu có) do lỗi, sai sót từ thiết kế.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban Quản lý đầu tư, Quản lý đấu thầu, Quản lý xây dựng, Kế hoạch, Kỹ thuật, An Toàn, Vật tư, Công nghệ thông tin, Tài chính kế toán, Quan hệ quốc tế của Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia, Giám đốc Ban Quản lý dự án các công trình Điện miền Nam và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

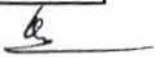
- Như Điều 3;
- UBND Tp Hồ Chí Minh (để b/c);
- UBND Tp Cần Thơ (để b/c);
- UBND tỉnh An Giang (để b/c);
- UBND tỉnh Tây Ninh (để b/c);
- Cục ĐL&NLTT (để b/c);
- HĐTV (để b/c);
- EVNSPC (để p/h);
- PTGD Bùi Văn Kiên;
- PTC4;
- PECC3;
- Lưu: VT, ĐT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tuấn Tùng

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**Dự án: Nâng khả năng tải các đường dây 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc và Cù Chi - Trảng Bàng***Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Tên dự án	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí quản lý dự án	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Chi phí khác	Chi phí dự phòng	Tổng cộng
-	Dự án: Nâng khả năng tải các đường dây 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc và Cù Chi - Trảng Bàng	338.098	8.497	6.061	15.971	22.422	43.344	434.393
	Giá trị làm tròn:	338.098	8.497	6.061	15.971	22.422	43.344	434.393



2. TỔNG HỢP CHI PHÍ THUỘC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Nâng khả năng tải các đường dây 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc và Cù Chi - Trảng Bàng

Đơn vị: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế
1	CHI PHÍ XÂY DỰNG (Gxd)	$= 2.1+2.2+2.3+2.4$	307.677.575.484	30.420.602.585	338.098.178.069
1. 1	Chi phí xây dựng ĐD 220kV Cù Chi - Trảng Bàng	Dự toán chi tiết	48.252.078.690	4.794.031.826	53.046.110.516
1. 2	Chi phí xây dựng ĐD 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc	Dự toán chi tiết	258.341.093.782	25.518.130.458	283.859.224.240
1. 3	Chi phí xây dựng tại trạm biến áp Thốt Nốt	Dự toán chi tiết - ngăn MR	458.411.018	45.841.102	504.252.120
1. 4	Chi phí xây dựng tại trạm biến áp Trảng Bàng	Dự toán chi tiết - ngăn MR	625.991.993	62.599.199	688.591.192
2	CHI PHÍ TB + TNHC	$= 3.1+3.2+3.3$	7.730.028.673	766.866.753	8.496.895.426
2. 1	Chi phí mua sắm TB + lắp đặt + TNHC - tại TBA 220kV Thốt Nốt	Dự toán chi tiết - ngăn MR	3.782.590.856	375.180.318	4.157.771.174
2. 2	Chi phí mua sắm TB + lắp đặt + TNHC - tại TBA 220kV Trảng Bàng	Dự toán chi tiết - ngăn MR	3.947.437.817	391.686.436	4.339.124.253
	CỘNG CHI PHÍ XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ	Gxd + Gtb	315.407.604.157	31.187.469.338	346.595.073.495
3	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	$= 4.1+4.2$	6.060.822.144	-	6.060.822.144
3. 1	Chi phí QLDA:		6.060.822.144		6.060.822.144
	<i>Chi phí xây dựng và VTTB trước thuế (Gxd+Gvttb) =</i>	315.407.604.157 đồng			
	<i>Tỷ lệ định mức (TLĐM%) chi phí theo QĐ số 79/QĐ-BXD=</i>	1,747%			
	<i>Hệ số công trình theo tuyến qua >= 2 tỉnh thành K=</i>	1,1			
5	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG:	Gtv	14.519.091.262	1.451.909.126	15.971.000.388
5. 1	Chi phí thỏa thuận	HĐ số 116/HĐ-TV2-KH ngày 14/03/2017	46.138.840	4.613.884	50.752.724
5. 2	Chi phí khảo sát phục vụ thiết kế (2 giai đoạn)	HĐ số 116/HĐ-TV2-KH ngày 14/03/2017	373.476.364	37.347.636	410.824.000

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế
5. 3	Lập BCNCKT đầu tư xây dựng	HĐ số 116/HĐ-TV2-KH ngày 14/03/2017	1.451.160.000	145.116.000	1.596.276.000
5. 4	Chi phí thiết kế BVTC	HĐ số 116/HĐ-TV2-KH ngày 14/03/2017	6.429.800.800	642.980.080	7.072.780.880
5. 5	Chi phí thiết kế phần cài tạo ngăn	Dự toán chi tiết - ngăn MR	110.749.320	11.074.932	121.824.253
5. 6	Chi phí lập HSMT	HĐ số 116/HĐ-TV2-KH ngày 14/03/2017	115.292.800	11.529.280	126.822.080
5. 7	Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu	HĐ số 116/HĐ-TV2-KH ngày 14/03/2017	140.913.422	14.091.342	155.004.764
5. 8	Chi phí giám sát khảo sát	4,072% chi phí khảo sát	15.207.958	1.520.796	16.728.753
5. 9	Chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình	TLĐM% *Gxd	4.600.535.560	460.053.556	5.060.589.116
	<i>Chi phí thi công xây dựng trước thuế (Gxd) =</i>	307.677.575.484 đồng			
	<i>Tỷ lệ định mức (TLĐM%) chi phí theo QĐ số 79/QĐ-BXD=</i>	1,495%			
5. 10	Chi phí tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị	TLĐM% *Gtb	88.663.428,88	8.866.343	97.529.771,76
	<i>Chi phí TB trước thuế (Gtb) =</i>	7.730.028.672,81 đồng			
	<i>Tỷ lệ định mức (TLĐM%) chi phí theo QĐ số 79/QĐ-BXD=</i>	1,147%			
5. 11	Chi phí thẩm tra TKKT-BVTC	Theo QĐ 501/QĐ-SPMB ngày 19/1/2017	288.049.584	28.804.958	316.854.542
5. 12	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng công trình		274.332.936	27.433.294	301.766.230
5. 13	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án		65.844.554	6.584.455	72.429.009
5. 14	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	HĐ số 116/HĐ-TV2-KH ngày 14/03/2017	434.848.000	43.484.800	478.332.800
5. 15	Chi phí lập các thủ tục vay vốn (nếu có)	Tạm tính		-	0
5. 16	Chi phí xác định chỉ số giá xây dựng (nếu có)	Tạm tính		-	0
5. 17	Chi phí lập HSMT tư vấn và đánh giá HSDT tư vấn	TLĐM% *(Gtv)	51.099.948	5.109.995	56.209.943
	<i>Chi phí tư vấn trước thuế</i>	14.435.013.566			
	<i>Tỷ lệ định mức (TLĐM%) chi phí theo QĐ số 79/QĐ-BXD=</i>	0,354 %			
5. 18	Chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn	HĐ số 116/HĐ-TV2-KH ngày 14/03/2017	32.977.748	3.297.775	36.275.523
6	CHI PHÍ KHÁC	Gk	20.728.746.006	1.693.367.901	22.422.113.907
6. 1	Chi phí đền bù phục vụ thi công				-
-	ĐD 220kV Cù Chi - Trảng Bàng	Dự toán chi tiết	293.533.032		293.533.032

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế
-	ĐD 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc	Dự toán chi tiết	3.015.627.520		3.015.627.520
6. 2	Chi phí hạng mục chung	Dự toán chi tiết	12.854.038.904	1.261.630.417	14.115.669.321
6. 3	Phí bảo hiểm công trình tính theo tỷ lệ chi phí xây dựng	0,25% *Gxd	769.193.939	76.919.394	846.113.333
6. 4	Phí bảo hiểm công trình tính theo tỷ lệ chi phí thiết bị	0,32% *Gtb	24.736.092	2.473.609	27.209.701
6. 5	Chi phí nghiệm thu, đóng điện bàn giao công trình	TLĐM% *(TMĐT)	430.748.606	43.074.861	473.823.466
	Chi phí xây dựng trước thuế (Gxd) =	307.677.575.484 đồng			
	Tỷ lệ định mức (TLĐM%) chi phí theo VB 9225/BCT-TCNL=	0,140%			
	Hệ số điều chỉnh bổ sung K=	1,0			
6. 6	Phí thẩm định dự án đầu tư		11.040.837		11.040.837
	Giá trị TMDT (tỷ đồng)=	315.407.604.157			
	Tỷ lệ định mức (TLĐM%) chi phí theo TT 209/2016/TT-BTC=	0,004%			
6. 7	Phí thẩm tra Thiết kế xây dựng công trình		63.595.359		63.595.359
	Chi phí xây dựng trước thuế (Gxd) =	307.677.575.484 đồng			
	Tỷ lệ định mức (TLĐM%) chi phí theo TT 210/2016/TT-BTC=	0,021%			
6. 8	Phí thẩm tra dự toán công trình		61.535.515		61.535.515
	Chi phí xây dựng trước thuế (Gxd) =	307.677.575.483,86 đồng			-
	Tỷ lệ định mức (TLĐM%) chi phí theo TT 210/2016/TT-BTC=	0,020%			
6. 9	Chi phí thuê xe PCCC khi đóng điện	Tạm tính	50.000.000		50.000.000
6. 10	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (tạm tính)	Thông tư số 218/2010/TT-BTC	62.000.000		62.000.000
6. 11	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (tạm tính)		157.703.802	15.770.380	173.474.182
	Tỷ lệ định mức (TLĐM%) chi phí theo ND 63/2014/ND-CP=	0,05 %*(Gxd+Gtb)			
6. 13	Chi phí cảnh giới kéo dây vượt đường	8 vị trí x 30.000.000đ/vị trí	240.000.000	24.000.000	264.000.000
6. 14	Chi phí qui đổi vốn	0,13% x TMDT	390.000.000	39.000.000	429.000.000
6. 15	Chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành	TLĐM% *(TMĐT)	1.599.586.776	159.958.678	1.759.545.454
	Giá trị TMDT (tỷ đồng)=	445.454.544.528 tỷ đồng			

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế
	<i>Tỷ lệ định mức (TLĐM%) chi phí theo TT 09/2015/TT-BTC=</i>	0,359%			
	<i>Hệ số chi phí TB>=50% TMĐT, K=</i>	1,0			
6. 16	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán VĐT dự án hoàn thành	TLĐM% *(TMĐT)	546.694.215	54.669.421	601.363.636
	<i>Giá trị TMĐT (tỷ đồng)=</i>	445.454.544.528 tỷ đồng			
	<i>Tỷ lệ định mức (TLĐM%) chi phí theo TT 09/2015/TT-BTC=</i>	0,245%			
	<i>Hệ số chi phí TB>=50% TMĐT, K1=</i>	1,0			
	<i>Hệ số có kiểm toán K2=</i>	50%			
6. 17	Chi phí đo thông số đường dây	Tạm tính	158.711.410	15.871.141	174.582.551
7	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (Gdp1 + Gdp2)	Gdp	39.525.219.170	3.818.633.918	43.343.853.088
7. 1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	10% (1 + 2 + ... + 6)	35.671.626.357	3.433.274.637	39.104.900.993
7. 2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	Bảng chi tiết	3.853.592.813	385.359.281	4.238.952.094
	TỔNG CỘNG:		396.241.482.739	38.151.380.283	434.392.863.022